

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG
ĐÔ THỊ QUY NHƠN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2016	7 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2016	10
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2016	11 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Quy Nhơn (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Quy Nhơn tiền thân là Công ty TNHH Môi trường Đô thị Quy Nhơn - Doanh nghiệp Nhà nước, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100298570 ngày 16 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh: 34.271.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 40 Phan Bội Châu, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam
Điện thoại : (84 - 056) 3 822 545
Fax : (84 - 056) 3 826 609
Mã số thuế : 41 0 0 2 9 8 5 7 0

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp quản lý và chế biến rác thải - Chi nhánh Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Quy Nhơn	Thôn Thanh Long, xã Phước Mỹ, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Đội dịch vụ vận tải - Sửa chữa ô tô	Số 40 Phan Bội Châu, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Đội quản lý nghĩa trang và dịch vụ mai táng	Khu vực 7, phường Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Xí nghiệp thoát nước	Khu vực 3, phường Nhơn Bình, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Các đơn vị trực thuộc của Công ty hoạt động theo phương thức hạch toán **báo sổ**.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Vệ sinh môi trường, thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt;
- Thu gom, vận chuyển rác thải công nghiệp, rác thải nguy hại, rác thải y tế;
- Quét dọn và phun nước rửa đường. Dịch vụ vệ sinh trung tâm thương mại, văn phòng, trường học và các hộ gia đình;
- Xử lý chất thải rắn, xử lý nước thải, xử lý chất thải y tế;
- Thông hút hầm cầu, hút bể phốt. Hút và xử lý bùn thải. Dịch vụ cho thuê nhà vệ sinh di động;
- Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước đô thị;
- Quản lý nghĩa trang và dịch vụ tang lễ;
- Sản xuất và mua bán các sản phẩm dịch vụ vệ sinh môi trường, các sản phẩm chế biến từ rác và vật liệu xây dựng;
- Sản xuất và sửa chữa thiết bị chuyên dùng môi trường;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, hệ thống xử lý chất thải rắn;
- Lắp đặt công trình điện chiếu sáng và điện công nghiệp;
- Tư vấn lập dự án đầu tư; tư vấn quản lý và điều hành dự án; tư vấn lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu; tư vấn thẩm định kết quả đấu thầu;
- Tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, báo cáo quan trắc, giám sát môi trường, đề án bảo vệ môi trường cho các dự án đầu tư, lập hồ sơ cấp phép xả thải, lập hồ sơ cấp phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại; Tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực môi trường;

- Tổ chức cứu hộ, cứu nạn trên bãi biển Quy Nhơn; quản lý hệ thống ngư cụ phòng tránh cá nhám; quản lý khu neo đậu thuyền;
- Vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

NHỮNG ẢNH HƯỞNG QUAN TRỌNG ĐẾN TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2016, doanh thu Công ty tăng 9.249.395.567 VND tương đương 10,08% so với năm trước chủ yếu do hoạt động công ích và hoạt động quản lý, vận hành hệ thống (hoạt nước tăng).

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 24).

Trong năm tài chính 2016, Công ty đã tiến hành phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

Nội dung	Cộng
Trích quỹ đầu tư phát triển	397.915.757
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.895.821.811
Chia cổ tức trong năm 2016	685.420.000
Chi trả lao hội đồng quản trị	72.000.000
Cộng	4.051.157.568

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Nền Danh	Chủ tịch	08 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	08 tháng 12 năm 2014
Ông Lê Dương Học	Thành viên	08 tháng 12 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Minh Vĩnh	Thành viên	08 tháng 12 năm 2014
Bà Trần Thị Trâm Anh	Thành viên	08 tháng 12 năm 2014

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Phạm Thị Hồng	Trưởng ban	08 tháng 12 năm 2014
Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên	08 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên	08 tháng 12 năm 2014

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Nền Danh	Giám đốc	16 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Giám đốc	16 tháng 12 năm 2014
Ông Võ Văn Hoàn	Phó Giám đốc	16 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Thanh Tường	Phó Giám đốc	16 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Tấn Nghĩa	Phó Giám đốc	04 tháng 01 năm 2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Giải pháp Công nghệ thông tin Đại Nam (GS-Audit) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, GS-Audit bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục thực hiện công tác kiểm toán cho Công ty.

XÁC NHẬN CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc,



NGUYỄN NÊN DANH
Giám đốc

Bình Định, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2017

Số: 902/2017/BCKT/GS-Audit

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2016 CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUY NHƠN**

Kính gửi: CỐ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Quy Nhơn (gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 14 tháng 02 năm 2017 từ trang 07 đến trang 24 kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Quy Nhơn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Giải pháp Công nghệ thông tin Đại Nam (GS-Audit),



Nguyễn Quang Toàn - Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1057-2013-169-1

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2017

Lê Nhật Linh - Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 3234-2015-169-1



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 40 Phan Bội Châu, phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		67.647.603.039	49.390.709.500
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	51.933.655.117	20.745.298.423
1. Tiền	111		45.933.655.117	15.624.856.391
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	5.120.442.029
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	5.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.116.448.682	20.875.789.489
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	13.786.867.150	20.180.673.326
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	192.300.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	329.581.532	502.816.163
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.463.786.586	2.667.634.627
1. Hàng tồn kho	141	V.04	1.463.786.586	2.667.634.627
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		133.712.654	101.986.961
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.05	12.115.835	19.292.452
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.699.998	82.694.509
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.06	116.896.821	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.028.819.632.560	1.152.244.636.806
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000	65.139.248
Phải thu dài hạn khác	216	V.07	3.000.000	65.139.248
II. Tài sản cố định	220		1.023.375.271.068	1.141.042.456.007
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	1.022.035.627.126	1.139.400.395.421
Nguyên giá	222		1.323.967.734.542	1.295.374.871.906
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(301.932.107.416)	(155.974.476.485)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	1.339.643.942	1.642.060.586
Nguyên giá	228		2.357.758.133	2.357.758.133
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.018.114.191)	(715.697.547)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.122.944.430	9.700.485.156
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	4.122.944.430	9.700.485.156
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.318.417.062	1.436.556.395
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	1.318.417.062	1.436.556.395
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.096.467.235.599	1.201.635.346.306

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 40 Phan Đình Chấu, phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		50.724.716.231	38.415.957.329
I. Nợ ngắn hạn	310		39.895.955.070	26.407.472.531
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	4.031.345.767	1.770.652.856
2. Người mua trả tiền trước	312		23.860.719	4.998.536
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	620.538.007	1.428.512.411
4. Phải trả người lao động	314	V.14	12.031.886.023	7.934.694.612
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	93.050.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	731.548.462	1.161.237.561
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	891.337.527	910.182.342
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	21.565.438.565	13.104.144.213
II. Nợ dài hạn	330		10.828.761.161	12.008.484.798
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.18	80.009.811	283.128.811
2. Phải trả dài hạn khác	337		175.712.424	176.177.919
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	10.573.038.926	11.549.178.068
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.045.742.519.368	1.163.219.388.977
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	36.403.198.019	34.620.407.262
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		34.271.000.000	34.271.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		34.271.000.000	34.271.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	747.323.019	349.407.262
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
4. Nguồn đầu tư xây dựng cơ bản	422	V.20	1.384.875.000	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.009.339.321.349	1.128.598.981.715
1. Nguồn kinh phí	431		(1.444.592.533)	(1.960.617.198)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	V.21	1.010.783.913.882	1.130.559.598.913
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.096.467.235.599	1.201.635.346.306

Bình Định, ngày 14 tháng 02 năm 2017


TRẦN THỊ TRÂM ANH
Kế toán trưởng

NGUYỄN NỀN DANH
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 40 Phan Bội Châu, phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chưa năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết	Năm nay	Năm trước
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	101.024.451.349	91.775.055.782
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	101.024.451.349	91.775.055.782
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	90.554.486.024	81.938.144.983
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.469.965.325	9.836.910.799
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	749.551.173	840.560.847
7. Chi phí lãi chính	22	VI.04	159.816.045	44.820.776
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		41.676.712	44.820.776
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	76.360	15.061.360
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	6.030.864.514	6.118.316.225
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.028.759.579	4.499.273.285
11. Thu nhập khác	31		74.228.468	52.390.914
12. Chi phí khác	32		37.700.007	39.924.802
13. Lợi nhuận khác	40		36.528.461	12.466.112
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.065.288.040	4.511.739.397
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.13	1.014.130.472	992.666.781
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.051.157.568	3.519.072.616
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.07	337	309

Bình Định, ngày 14 tháng 02 năm 2017


TRẦN THỊ TRÂM ANH
 Kế toán trưởng

NGUYỄN NÊN DANH
 Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.065.288,040	4.511.739.397
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.08, V.09	5.878.304.912	5.561.100.850
- Lãi, lỗ chênh lệch TGHD do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.03	(84.801,615)	(391.021.004)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VJ.03	(393.350.364)	(269.483.697)
- Chi phí lãi vay	06	VI.04	41.676.712	44.820.776
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		10.507.117.685	9.457.156.322
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.782.577.745	(4.666.534.111)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.203.848.041	(232.980.501)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		16.328.619.963	13.774.402.502
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		125.315.950	317.898.923
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.04	(41.676.712)	(44.820.776)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(1.369.807.358)	(645.648.164)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.17	6.796.849.119	5.112.830.881
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.303.376.578)	(1.596.672.009)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD	20		39.029.467.855	21.475.633.067
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	V.08, V.10; VII	(11.677.335.000)	(9.465.642.066)
2. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(5.000.000.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		5.000.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia	27	VI.03	393.350.364	269.483.697
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ đầu tư	30		(6.283.984.636)	(14.317.588.459)
III. Lưu chuyển tiền từ HĐ tài chính				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16, V.19	(871.706.525)	(891.102.402)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(685.420.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ tài chính	40		(1.557.126.525)	(891.102.402)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		31.188.356.694	6.388.372.296
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.01	20.745.298.423	14.356.926.127
Ảnh hưởng của thay đổi TGHD quy đổi NT	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.01	51.933.655.117	20.745.298.423

Bình Định, ngày 14 tháng 02 năm 2017


TRẦN THỊ TRÂM ANH
 Kế toán trưởng


NGUYỄN NỀN DANH
 Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Quy Nhơn (gọi tắt là "Công ty").

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất - Dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh :

- Vệ sinh môi trường, thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt;
- Thu gom, vận chuyển rác thải công nghiệp, rác thải nguy hại, rác thải y tế;
- Quét dọn và phun nước rửa đường. Dịch vụ vệ sinh trung tâm thương mại, văn phòng, trường học và các hộ gia đình;
- Xử lý chất thải rắn, xử lý nước thải, xử lý chất thải y tế;
- Thi công hút hầm cầu, hút bể phốt. Hút và xử lý bùn thải. Dịch vụ cho thuê nhà vệ sinh di động;
- Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước đô thị;
- Quản lý nghĩa trang và dịch vụ tang lễ;
- Tư vấn lập dự án đầu tư; tư vấn quản lý và điều hành dự án; tư vấn lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu; tư vấn thẩm định kết quả đấu thầu;
- Tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, báo cáo quan trắc, giám sát môi trường, đề án bảo vệ môi trường cho các dự án đầu tư, lập hồ sơ cấp phép xả thải, lập hồ sơ cấp phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại; Tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực môi trường;
- Tổ chức cứu hộ, cứu nạn trên bãi biển Quy Nhơn; quản lý hệ thống ngư cụ phòng tránh cá nhám; quản lý khu neo đậu thuyền;
- Vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty là dưới 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp quản lý và chế biến rác thải - Chi nhánh Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Quy Nhơn	Thôn Thanh Long, xã Phước Mỹ, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Đội dịch vụ vận tải - Sửa chữa ô tô	Số 40 Phan Bội Châu, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Đội quản lý nghĩa trang và dịch vụ mai táng	Khu vực 7, phường Bửu Thị Xuân, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Xí nghiệp thoát nước	Khu vực 3, phường Nhơn Bình, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm 2016, doanh thu Công ty tăng 9.249.395.567 VND tương đương 10,08% so với năm trước chủ yếu do hoạt động công ích và hoạt động quản lý, vận hành hệ thống thoát nước tăng.

7. Người lao động

Số lượng người lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 621 người.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là năm tài chính thứ hai (02) của Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được thành lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỎ THỊ QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 40 Phan Bội Châu, phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	8 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	8 - 10
Tài sản cố định khác	5 - 8

Riêng hao mòn của tài sản cố định phục vụ hoạt động sự nghiệp (tài sản cố định khác) được hạch toán giảm nguồn hình thành nên tài sản đó.

5. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Thời gian khấu hao 10 năm.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 05 năm.

Tài sản khác

Chi phí thực tế phát sinh để nhà máy xử và chế biến rác đi vào hoạt động. Khấu hao theo thời gian trả nợ gốc vay.

Tài sản do ngân sách cấp để thực hiện các hoạt động công cộng. Thời gian khấu hao của tài sản là 8 năm.

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 40 Phan Bội Châu, phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa văn phòng, cải tạo nhà làm việc được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí khác

Chi phí khác là chênh lệch tỷ giá thanh toán tiền chi trả nợ vay cho dự án nhà máy chế biến và xử lý rác thải chưa được phân bổ vào kết quả kinh doanh.

9. Vốn chủ sở hữu - quỹ

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn góp của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được lũng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo quy định Công ty.

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

11. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục uần tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục uần tệ có gốc ngoại tệ cuối

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 40 Phan Bội Châu, phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào (đối với tài sản) và tỷ giá bán ra (đối với nợ phải trả) của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/12/2016:

	<u>Ngoại tệ</u>	<u>Tỷ giá mua</u>	<u>Tỷ giá bán</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	EUR	23.836 VND/USD	24.190 VND/USD

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;

Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi cung cấp dịch vụ doanh thu chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;

Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số VIII.01.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 40 Phan Bội Châu, phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	461.178.325	250.289.809
Tiền gửi ngân hàng	45.472.476.792	15.374.566.585
Các khoản tương đương tiền (*)	6.000.000.000	5.120.442.029
Cộng	51.933.655.117	20.745.298.423

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 03 tháng.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng của Văn phòng Công ty	9.537.196.742	19.868.423.326
Phải thu khách hàng của Xí nghiệp thoát nước	3.479.622.408	-
Phải thu khách hàng của Đối dịch vụ vận tải	620.706.000	10.450.000
Phải thu khách hàng của Đối quản lý nghĩa trang và dịch vụ môi trường	149.342.000	301.800.000
Cộng	13.786.867.150	20.180.673.326

3. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	877.489	5.338.669
Phải thu Phòng Quản lý Đô thị TP. Quy Nhơn	-	109.436.406
Phải thu tạm ứng	151.066.711	306.410.813
Phải thu khác	177.637.332	81.630.275
Cộng	329.581.532	502.816.163

4. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	637.879.370	415.077.229
Công cụ, dụng cụ	195.661.561	181.694.784
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	573.522.650	1.993.004.077
Thành phẩm	-	5.138.099
Hàng hóa	56.723.005	72.720.438
Cộng	1.463.786.586	2.667.634.627

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

Số đầu năm	19.292.452
Tăng trong năm	48.935.654
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(56.112.271)
Số cuối năm	12.115.835

6. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	49.523.696	-
Thuế thu nhập cá nhân	67.373.125	-
Cộng	116.896.821	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 40 Phan Đình Châu, phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu liên kỳ quỹ	3.000.000	3.000.000
Phải thu khác	-	62.139.248
Cộng	3.000.000	65.139.248

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	281.609.719.302	102.570.839.634	66.065.949.651	3.454.265.000	841.653.598.919	1.295.174.671.906
Tăng trong năm	-	-	3.966.717.636	-	24.626.145.050	28.592.862.636
Ngân sách cấp	-	-	-	-	11.459.417.000	11.459.417.000
Đầu tư xây dựng cơ bản	-	-	3.966.717.636	-	13.166.728.000	17.133.445.636
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	281.609.719.302	102.570.839.634	70.052.666.687	3.454.265.000	866.279.743.919	1.323.967.734.542
Trong đó:						
Dự khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	101.080.500	447.000.000	5.283.500.854	-	1.712.309.731	2.543.891.085
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	19.133.157.716	31.644.041.908	23.753.278.614	254.658.508	79.189.359.719	155.974.476.485
Tăng trong năm	21.781.473.117	10.283.733.091	6.847.056.835	349.536.504	106.715.831.384	145.957.630.931
Khấu hao trong năm	281.706.839	918.210.278	1.437.750.347	7.850.000	-	5.645.317.464
Hao mòn tài sản ngân sách	21.479.766.278	9.365.522.813	2.409.306.468	341.886.504	196.715.831.384	140.312.313.467
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	40.894.610.833	43.927.774.999	30.600.335.449	604.195.012	185.905.191.123	301.932.107.416
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	262.476.581.586	68.926.797.726	42.332.670.437	3.200.106.492	762.464.239.180	1.139.400.395.421
Số cuối năm	240.715.108.469	58.643.064.635	39.452.331.238	2.850.569.988	680.374.552.796	1.022.035.627.126

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 9.867.930.000 VND và 6.547.866.594 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Định (Xem Thuyết minh số V.19).

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	80.362.000	1.285.100.000	992.296.133	2.357.758.133
Tăng/(giảm) trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	80.362.000	1.285.100.000	992.296.133	2.357.758.133
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	69.647.032	249.132.083	396.918.432	715.697.547
Khấu hao trong năm	-	215.145.660	17.841.789	232.987.448
Hao mòn tài sản ngân sách	8.036.195	29.819.984	31.773.016	69.429.195
Số cuối năm	77.683.228	493.897.727	446.533.236	1.018.114.191
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	10.714.968	1.035.967.917	595.377.701	1.642.060.586
Số cuối năm	2.678.772	791.202.273	545.762.897	1.339.643.942

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 40 Phan Bội Châu, phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản dở dang dài hạn****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	50.231.636	1.941.054.455	(3.966.717.636)	(2.743.000)	21.825.455
XDCB dở dang	9.650.253.520	7.617.593.455	(13.166.728.000)	-	4.101.118.975
Công trình bãi chôn lấp rác cũ	3.065.210.000	2.353.614.000	(5.418.824.000)	-	-
Hệ thống thu nước mặt	2.196.000	1.048.295.000	(1.050.491.000)	-	-
Nghĩa trang khu vực B phường Đồi Thị Xuân	2.535.461.520	-	-	-	2.535.461.520
Nạo vét lòng hồ hồ sinh thái Đống Đa	4.047.296.000	2.462.735.000	(6.356.000.000)	-	154.031.000
Cải tạo hệ thống phao liểu	-	341.413.000	(341.413.000)	-	-
Vấn phòng làm việc đội 4	-	22.661.455	-	-	22.661.455
Công trình xây lắp nghĩa trang	90.000	1.388.875.000	-	-	1.388.965.000
Cộng	9.700.485.156	11.558.647.910	(17.133.445.636)	(2.743.000)	4.122.944.430

11. Chi phí trả trước dài hạn

Chênh lệch tỷ giá thuận loan khoản vay cho dự án nhà máy xử lý rác thải.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nhà cung cấp của Văn phòng Công ty	1.673.098.305	1.770.652.856
Phải trả nhà cung cấp của Xi nghiệp thoát nước	2.358.247.462	-
Cộng	4.031.345.767	1.770.652.856

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.111.146.041	7.266.769.125	(7.757.377.159)	620.538.007
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	306.153.190	1.014.100.472	(1.369.807.358)	(49.523.696)
Thuế thu nhập cá nhân (*)	11.213.180	25.575.382	(104.161.687)	(67.373.125)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	81.833.163	(81.833.163)	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Các khoản phải nộp khác	-	364.319	(364.319)	-
Cộng	1.428.512.411	8.392.672.461	(9.317.543.686)	503.641.186

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở khoản mục Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (Mã số 153).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem Thuyết minh số IV.10.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.065.288.040	4.511.739.397
Các khoản điều chỉnh để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	5.364.319	382.333
- Các khoản điều chỉnh giảm	5.364.319	382.333

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 40 Phan Bội Châu, phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng thu nhập tính thuế	5.070.652.359	4.512.121.730
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.014.130.472	992.666.781

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

14. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả cho người lao động.

15. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	491.720	18.295.870
Cổ tức phải trả cổ đông	685.420.000	685.420.000
Phải trả phải nộp khác	45.636.742	457.521.691
Cộng	731.548.462	1.161.237.561

16. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

Khoản vay dài hạn đến hạn trả (Xem Thuyết minh V.19).

Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	910.182.342
Kết chuyển từ vay dài hạn	891.337.527
Số tiền đã trả trong năm	(871.706.525)
Chênh lệch tỷ giá	(38.475.817)
Số cuối năm	891.337.527

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiêu	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số trích lập trong năm</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chỉ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	7.353.598.219	2.376.300.540	6.796.849.119	(463.960.000)	16.062.820.978
Quỹ phúc lợi	5.647.947.912	287.370.393	-	(548.204.138)	5.387.114.167
Quỹ thưởng ban quản lý điều hành	102.590.082	212.117.878	-	(219.212.440)	115.503.520
Cộng	13.104.144.213	2.895.821.811	6.796.849.119	(1.231.376.578)	21.565.438.565

18. Phải trả dài hạn người bán

Khoản phải trả người bán của Văn phòng Công ty.

19. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tại Bình Định (VND) ^(a)	7.623.880.000	7.672.600.000
Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tại Bình Định (EUR) ^(b)	2.949.158.926	3.876.578.068
Cộng	10.573.038.926	11.549.178.068

^(a) Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tại Bình Định từ nguồn vốn ODA để xây dựng, mua sắm tài sản cố định phục vụ cho hạng mục 3 - Quản lý chất thải rắn của Tiểu dự án vệ sinh môi trường TP. Quy Nhơn, thuộc Dự án vệ sinh môi trường cho các thành phố Duyên hải Việt Nam. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản cố định hình thành từ vốn vay (Xem Thuyết minh số V.08). Các khoản vay này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỎ THỊ QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 40 Phan Bội Châu, phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Khoản vay 730.800.000 VND theo Quyết định số 1580/QĐ-CTUBND ngày 03/7/2009 của UBND tỉnh Bình Định. Thời hạn vay 20 năm, thời gian ân hạn 5 năm. Lãi suất 6,6 %/năm.
 - Khoản vay 5.577.660.000 VND theo Quyết định số 3207/QĐ-UBND ngày 30/10/2013 của UBND tỉnh Bình Định.
 - Khoản vay 1.510.300.000 VND theo Quyết định số 1888/QĐ-UBND ngày 12/6/2014 của UBND tỉnh Bình Định.
- (h) Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tại Bình Định từ nguồn vốn ODA đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến rác thải. Thời hạn vay 16 năm, thời gian ân hạn 5 năm. Lãi suất cho vay 0%/năm. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên bắt đầu từ ngày 30/12/2010.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	Số đầu năm	Số kết chuyển	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tại Bình Định (VND)	7.672.600.000	(48.720.000)	-	7.623.880.000
Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tại Bình Định (EUR)	3.876.578.068	(842.617.527)	(84.801.615)	2.949.158.926
Cộng	11.549.178.068	(891.337.527)	(84.801.615)	10.573.039.926

20. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Ngôn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm	34.271.000.000	349.407.262	-	-	34.620.407.262
Tăng trong năm	-	-	9.929.335.000	-	9.929.335.000
Giảm trong năm	-	-	(8.544.460.000)	-	(8.544.460.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	4.051.157.568	4.051.157.568
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(685.420.000)	(685.420.000)
Trích quỹ trong năm	-	397.915.757	-	(3.291.737.568)	(2.893.821.811)
Chi khác trong năm	-	-	-	(72.000.000)	(72.000.000)
Số dư cuối năm	34.271.000.000	747.313.019	1.384.875.000	-	36.403.198.019

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.427.100	3.427.100
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.427.100	3.427.100
- Cổ phiếu phổ thông	3.427.100	3.427.100
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.427.100	3.427.100
- Cổ phiếu phổ thông	3.427.100	3.427.100
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành

10.000 VND/cổ phiếu

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Bổ sung vốn đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Quyết định của Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 40 Phan Bội Châu, phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**21. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định**

Số đầu năm	1.130.559.598.913
Nguồn kinh phí tăng trong năm	20.345.290.000
Nguồn kinh phí giảm trong năm (Hao mòn tài sản ngân sách)	(140.024.800.599)
Giảm khác trong năm	(96.174.432)
Số cuối năm	<u>1.010.783.913.862</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	101.024.451.349	91.775.055.782
Doanh thu hoạt động kinh doanh	14.156.786.910	12.126.803.649
Doanh thu hoạt động công ích	69.003.931.184	65.528.624.058
Doanh thu hoạt động chế biến rác	913.363.700	282.989.988
Doanh thu hoạt động cứu hộ	894.000.000	884.470.768
Doanh thu hoạt động thoát nước	16.056.369.555	11.952.167.319
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	<u>101.024.451.349</u>	<u>91.775.055.782</u>

2. Giá vốn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động kinh doanh	13.482.268.768	12.356.024.274
Giá vốn hoạt động công ích	60.124.939.277	56.766.162.470
Giá vốn hoạt động chế biến rác	923.671.404	735.771.126
Giá vốn hoạt động cứu hộ	894.000.000	780.291.050
Giá vốn hoạt động thoát nước	15.129.606.575	11.299.895.063
Cộng	<u>90.554.486.024</u>	<u>81.938.144.983</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	232.923.377	89.881.440
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	393.350.364	269.483.697
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	38.475.817	90.174.706
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	84.801.615	391.021.004
Cộng	<u>749.551.173</u>	<u>840.560.847</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	41.676.712	44.820.776
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	118.139.333	-
Cộng	<u>159.816.045</u>	<u>44.820.776</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí vật liệu, đồ dùng quản lý	76.360	581.360
Chi phí khác	-	14.480.000
Cộng	<u>76.360</u>	<u>15.061.360</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 40 Phan Bội Châu, phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.667.867.758	3.626.351.627
Chi phí vật liệu, đồ dùng quản lý	415.799.734	754.333.178
Chi phí khấu hao tài sản cố định	175.591.873	183.624.965
Thuế, phí và lệ phí	95.827.448	84.816.375
Chi phí dịch vụ mua ngoài	311.885.335	301.818.441
Chi phí khác	1.363.892.366	1.167.371.639
Cộng	6.030.864.514	6.110.316.225

7. Lợi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.051.157.568	3.519.072.616
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.895.821.811)	(2.459.245.354)
<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	<i>(2.895.821.811)</i>	<i>(2.459.245.354)</i>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.155.335.757	1.059.827.262
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.427.100	3.427.100
Lợi cơ bản trên cổ phiếu	337	309

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	3.427.100	3.427.100
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.427.100	3.427.100

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.725.109.395	16.498.947.986
Chi phí nhân công	61.186.386.725	59.135.053.140
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.878.304.912	5.561.100.850
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.210.961.221	3.754.760.055
Chi phí khác	4.144.047.686	3.054.615.431
Cộng	95.144.809.939	88.004.477.462

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 40 Phan Bội Châu, phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chu kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Đơn vị tính: VND

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Số tiền
Tài sản tăng do ngân sách cấp	11,459,417.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc		
Cổ tức phải trả	2.920.000	2.280.000
Cổ tức đã trả	2.280.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, nợ phải trả với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc (cổ tức)	2.920.000	2.280.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, phụ cấp và bảo hiểm	1.641.258.292	1.640.441.999

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty chỉ gồm Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định - Cổ đông sở hữu 83,90% vốn điều lệ

Trong năm, Công ty chỉ phát sinh nghiệp vụ với Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức phải trả	616.182.000	616.182.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư nợ phải trả với Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Phải trả ngắn hạn khác (Cổ tức)	616.182.000	616.182.000

2. Thông tin khác

Trong năm, Công ty tiến hành phân loại lại một số khoản mục liên quan đến báo cáo tài chính năm 2015 do ước tính lại khoản hao mòn tài sản cố định được ngân sách cấp từ thời điểm nhận bàn giao tài sản và phân loại khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn. Do đó, số liệu một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của năm trước được trình bày lại trong Báo cáo năm nay.

Chi tiết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 40 Phan Bội Châu, phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại
Tài sản cố định hữu hình	221	1.174.835.536.781	1.139.400.395.421
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(120.539.335.125)	(155.974.476.485)
Tài sản cố định vô hình	227	1.932.007.919	1.642.060.586
Giá trị hao mòn lũy kế	229	(425.750.214)	(715.697.547)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	1.010.869.006	910.182.342
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	11.448.491.402	11.549.178.069
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	1.166.284.687.606	1.130.559.598.913

**TRẦN THỊ TRÂM ANH**
Kế toán trưởng

Bình Định, ngày 14 tháng 02 năm 2017

**NGUYỄN NỀN DANH**
Giám đốc